



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0100283802

ngày 21 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100283802 ngày 21 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát tham gia điều hành Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Thông	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Tô	Thành viên
	Ông Đào Hữu Khanh	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Trọng Minh	Thành viên
	Ông Chế Đình Tương	Thành viên (<i>từ ngày 23/4/2016</i>)
	Ông Phan Quang Bình	Thành viên (<i>đến ngày 23/4/2016</i>)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Thông	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đình Tương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đào Hữu Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 20/6/2016</i>)
Ban Kiểm soát	Ông Đỗ Văn Bình	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Phạm Hùng Sơn	Thành viên
Trụ sở đăng ký	<i>Trụ sở chính</i>	
	Số 8 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình Hà Nội, Việt Nam	
	<i>Chi nhánh Miền Nam</i>	
Công ty kiểm toán	Số 60 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
	<i>Chi nhánh Khách sạn IBIS Hà Đô</i>	
	Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-199-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		904.953.218.459	909.473.757.428
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	121.800.618.501	407.527.743.160
Tiền	111		61.800.618.501	253.937.743.160
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	153.590.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.702.601.464	20.502.601.464
Chứng khoán kinh doanh	121	8(a)	3.422.062.749	3.422.062.749
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(b)	16.280.538.715	17.080.538.715
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		357.525.094.618	111.611.532.448
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	79.324.158.781	53.323.671.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	174.716.938.359	48.325.956.905
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11(a)	80.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	28.089.867.368	14.141.278.478
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(4.605.869.890)	(4.179.374.090)
Hàng tồn kho	140	14	366.095.464.557	339.121.771.539
Hàng tồn kho	141		366.095.464.557	339.121.771.539
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.829.439.319	30.710.108.817
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.056.647.397	26.152.257.945
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	4.772.791.922	4.557.850.872

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.596.463.770.712	1.218.994.191.760
Các khoản phải thu dài hạn	210		117.000.000.000	117.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11(b)	117.000.000.000	117.000.000.000
Tài sản cố định	220		1.744.601.651	2.132.216.736
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.607.805.402	1.972.016.737
<i>Nguyên giá</i>	222		20.895.851.620	20.743.629.802
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.288.046.218)	(18.771.613.065)
Tài sản cố định vô hình	227		136.796.249	160.199.999
<i>Nguyên giá</i>	228		214.230.000	214.230.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(77.433.751)	(54.030.001)
Bất động sản đầu tư	230	16	199.415.154.678	213.741.060.484
<i>Nguyên giá</i>	231		250.215.668.674	259.279.089.355
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(50.800.513.996)	(45.538.028.871)
Tài sản dở dang dài hạn	240		248.349.578.241	170.351.843.216
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	248.349.578.241	170.351.843.216
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8(c)	1.029.655.373.630	715.443.088.630
Đầu tư vào công ty con	251		1.017.655.373.630	568.271.208.630
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.800.000.000	136.971.880.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.000.000.000	12.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		299.062.512	325.982.694
Chi phí trả trước dài hạn	261		289.062.512	315.982.694
Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.501.416.989.171	2.128.467.949.188

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.611.476.059.078	1.258.417.266.708
Nợ ngắn hạn	310		792.134.091.297	582.386.167.081
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	50.830.401.943	78.825.148.124
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	189.509.533.550	170.043.966.714
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	139.725.070	111.294.907
Phải trả người lao động	314		1.783.747.969	4.543.658.168
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	201.177.009.379	173.928.415.646
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	50.259.515.800	42.637.959.541
Vay ngắn hạn	320	24(a)	296.490.856.450	110.444.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.943.301.136	1.851.723.981
Nợ dài hạn	330		819.341.967.781	676.031.099.627
Vay dài hạn	338	24(b)	815.419.499.175	672.108.631.021
Dự phòng phải trả dài hạn	342		684.468.606	684.468.606
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.238.000.000	3.238.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		889.940.930.093	870.050.682.480
Vốn chủ sở hữu	410	25	889.940.930.093	870.050.682.480
Vốn cổ phần	411	26	690.634.240.000	684.118.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	26	690.634.240.000	684.118.840.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	(33.000.000)	-
Cổ phiếu quỹ	415	26	(238.560.000)	(8.560.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	23.516.835.886	23.516.835.886
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	176.061.414.207	162.423.566.594
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		160.324.566.594	92.441.058.918
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.736.847.613	69.982.507.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.501.416.989.171	2.128.467.949.188

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	95.775.183.916	30.512.243.640
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	-	135.814.926
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	95.775.183.916	30.376.428.714
Giá vốn hàng bán	11	30	65.851.375.980	19.353.112.217
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		29.923.807.936	11.023.316.497
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	39.235.000.262	34.560.750.624
Chi phí tài chính	22	32	34.579.116.546	2.198.288.628
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.929.235.694	2.197.500.372
Chi phí bán hàng	25		3.437.114.252	639.297.775
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	15.325.097.316	16.193.348.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		15.817.480.084	26.553.132.324
Thu nhập khác	31		8.426.680	1.007.266.360
Chi phí khác	32		87.247.748	19.060.406
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(78.821.068)	988.205.954
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.738.659.016	27.541.338.278
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.811.403	120.836.813
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		15.736.847.613	27.420.501.465

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.738.659.016	27.541.338.278
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.299.914.383	7.889.618.481
Các khoản dự phòng	03	426.495.800	314.374.090
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.234.988.262)	(34.276.580.076)
Chi phí lãi vay	06	33.929.235.694	2.197.500.372
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.159.316.631	3.666.251.145
Biến động các khoản phải thu	09	(139.175.121.122)	25.877.736.200
Biến động hàng tồn kho	10	5.585.115.041	(83.569.460.705)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(10.040.207.315)	75.344.040.903
Biến động chi phí trả trước	12	26.920.182	(10.910.801)
		(125.443.976.583)	21.307.656.742
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.386.719.407)	(257.277.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(216.752.453)	(29.849.826.885)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.040.422.845)	(1.959.583.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(135.087.871.288)	(10.759.030.979)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(118.120.866.920)	(42.276.662.193)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(309.700.000.000)	(167.292.871.392)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	230.500.000.000	58.692.348.824
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(314.212.285.000)	(269.308.068.835)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	25.250.773.945	16.209.766.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(486.282.377.975)	(403.975.486.698)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	6.515.400.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(230.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	504.785.724.604	473.987.481.460
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(175.428.000.000)	(156.540.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	335.643.124.604	317.447.481.460
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(285.727.124.659)	(97.287.036.217)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	407.527.743.160	223.374.993.415
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	121.800.618.501	126.087.957.198

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty, các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; đầu tư và phát triển hạ tầng và kinh doanh nhà;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; đào tạo cao đẳng; đào tạo đại học và sau đại học; giáo dục nghề nghiệp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Thi công, lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quảng cáo;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, viễn thông;
- Sản xuất hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Mua bán hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Xuất nhập khẩu trang thiết bị, công nghệ, vật tư phục vụ sản xuất và nghiên cứu khoa học công nghệ;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nông nghiệp (kho, lán, trạm, trại);
- Thiết kế thông gió, cấp nhiệt đối với công trình xây dựng;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước và môi trường nước;
- Thiết kế cấp điện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hóa và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát xây dựng, lập dự án và quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị cơ khí, điều khiển tự động, điện lạnh, điện kỹ thuật, điện dân dụng, thủy khí, thang máy, máy xây dựng, thiết bị nâng hạ;
- Thiết kế, chế tạo máy và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và cung cấp chuyển giao công nghệ cùng các dịch vụ khoa học kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 35kv;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Kinh doanh máy móc thiết bị;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ trông giữ phương tiện; và
- Đầu tư vào các công ty.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, đầu tư và phát triển hạ tầng, kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản và xây dựng các công trình dân dụng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 11 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 8(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 118 nhân viên (1/1/2016: 107 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, bất động sản đang xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất, các chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, các chi phí quản lý xây dựng chung được phân bổ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 - 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 - 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản hoặc tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

(ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	10.066.209.979	9.008.782.017
Tiền gửi ngân hàng	51.734.408.522	244.928.961.143
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	153.590.000.000
	<hr/>	<hr/>
	121.800.618.501	407.527.743.160
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	290.343	2.977.135.749	289.616	2.977.135.749
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần LICOGI 12	75.750	444.927.000	75.750	444.927.000
		<u>3.422.062.749</u>		<u>3.422.062.749</u>
				<u>4.925.337.400</u>
				<u>4.228.437.400</u>
				<u>696.900.000</u>

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	16.280.538.715	(*)	17.080.538.715	(*)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND (1/1/2016: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2016		Giá trị hợp lý VND
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty CP Hà Đô 1	Hà Nội	1.791.135	51%	51%	15.680.240.000	-	(*)
• Công ty CP Hà Đô 23	Hà Nội	2.821.410	60%	60%	28.213.900.000	-	(*)
• Công ty CP Hà Đô 4	TP. Hồ Chí Minh	1.779.684	51%	51%	14.605.950.000	-	(*)
• Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	Nha Trang	17.024.089	65%	65%	170.240.885.000	-	(*)
• Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	33.300.000	74%	74%	342.900.000.000	-	(*)
• Công ty CP Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	Hà Nội	51.051	51%	51%	3.570.000.000	-	(*)
• Công ty CP Tư vấn Hà Đô	Hà Nội	102.000	51%	51%	1.020.000.000	-	(*)
• Công ty CP Za Hưng (**)	Hà Nội	2.132.207	51,5%	51,5%	258.743.280.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Đầu tư Quốc tế Hà Đô	Viên Chăn, Lào		100%	100%	181.634.006.722	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh BĐS Hà Đô	Hà Nội		100%	100%	626.255.918	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác BĐS Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh		100%	100%	420.855.990	-	(*)
					1.017.655.373.630	-	(*)
▪ Công ty liên kết							
• Công ty CP Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	180.000	29%	29%	1.800.000.000	(1.800.000.000)	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty CP Đầu tư An Lạc	Hà Nội	190.159	7%	7%	12.000.000.000	-	(*)
					1.031.455.373.630	(1.800.000.000)	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2016					
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty CP Hà Đô 1	Hà Nội	1.791.135	51%	51%	15.680.240.000	-	(*)
• Công ty CP Hà Đô 23	Hà Nội	2.821.410	60%	60%	28.213.900.000	-	(*)
• Công ty CP Hà Đô 4	TP. Hồ Chí Minh	1.679.684	51%	51%	14.605.950.000	-	(*)
• Công ty CP Đầu tư Khánh Hà (i)	Nha Trang	3.900.000	30%	30%	39.000.000.000	-	(*)
• Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	28.350.000	65%	65%	283.500.000.000	-	(*)
• Công ty CP Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	Hà Nội	51.051	51%	51%	3.570.000.000	-	(*)
• Công ty CP Tư vấn Hà Đô	Hà Nội	102.000	51%	51%	1.020.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Đầu tư Quốc tế Hà Đô	Viên Chăn, Lào		100%	100%	181.634.006.722	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh BĐS Hà Đô	Hà Nội		100%	100%	626.255.918	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác BĐS Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh		100%	100%	420.855.990	-	(*)
					568.271.208.630	-	(*)
▪ Công ty liên kết							
• Công ty CP Za Hưng (**)	Hà Nội	1.350.093	37%	37%	135.171.880.000	-	(*)
• Công ty CP Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	180.000	29%	29%	1.800.000.000	(1.800.000.000)	(*)
					136.971.880.000	(1.800.000.000)	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty CP Đầu tư An Lạc	Hà Nội	190.159	7%	7%	12.000.000.000	-	(*)
					717.243.088.630	(1.800.000.000)	(*)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, có 1.104.000 cổ phiếu của Công ty CP Za Hưng do Công ty sở hữu với mệnh giá 100.000 VND/cổ phiếu (1/1/2016: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (“Công ty Khánh Hà”), số vốn điều lệ mà Công ty được góp là 60% trong tổng số vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mới đóng góp tương ứng là 30% số vốn điều lệ trong Công ty Khánh Hà nhưng Công ty đã bổ nhiệm nhân sự của mình đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt tại công ty này và do đó đã nắm quyền kiểm soát các hoạt động của Công ty Khánh Hà. Do đó, Công ty Khánh Hà được coi là công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2016.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua lại 504.000 cổ phần từ một cổ đông và mua thêm 278.114 cổ phần do Công ty CP Za Hưng phát hành, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Za Hưng từ 37% lên 51,5 %. Công ty CP Za Hưng trở thành công ty con của Công ty.

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khách hàng mua nhà chung cư dự án Nguyễn Văn Công - Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	16.910.250.496	17.590.884.496
Các khách hàng mua nhà 751B - TP. Hồ Chí Minh	9.397.939.011	9.397.939.011
Các khách hàng mua nhà khu biệt thự Sư Vạn Hạnh	11.899.818.982	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	9.340.568.753	2.735.552.209
Ban Quản lý Dự án thủy điện 7	3.472.135.629	5.289.902.552
Phải thu của khách hàng là công ty liên quan (Thuyết minh (b))	4.568.791.753	6.272.883.381
Các khách hàng khác	23.734.654.157	12.036.509.506
	79.324.158.781	53.323.671.155

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty CP Hà Đô 4	2.704.104.285	3.018.684.285
Công ty CP Cơ điện Xây dựng Thiết bị		
Công nghiệp Hà Đô	1.197.111.628	1.187.241.810
Công ty CP Hà Đô 1	533.618.235	724.941.338
Công ty CP Hà Đô 23	74.810.038	701.431.762
Khác	59.147.567	640.584.186
	4.568.791.753	6.272.883.381
	4.568.791.753	6.272.883.381

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm	120.000.000.000	-
Công ty CP Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	3.533.868.045	10.392.799.103
Khác	51.183.070.314	37.933.157.802
	174.716.938.359	48.325.956.905
	174.716.938.359	48.325.956.905

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản vay cấp cho Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn, một công ty con của Công ty. Khoản cho vay này có thời hạn là 1 năm, lãi suất 10,5%/năm và không có đảm bảo bằng tài sản.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Phải thu về cho vay dài hạn thể hiện khoản vay cấp cho Công ty TNHH MTV 756 để công ty này góp vốn điều lệ vào Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn, một công ty con của Công ty. Khoản cho vay này không tính lãi và được đảm bảo bằng tất cả các quyền bao gồm: quyền sở hữu và lợi ích của Công ty TNHH MTV 756 tại Công ty CP Hà Đô 756 - Sài Gòn và toàn bộ các quyền lợi phát sinh từ phần vốn góp.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tạm ứng	5.161.191.684	4.750.996.811
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.150.037.295	2.270.933.782
Phải thu tiền lãi	11.744.167.334	639.056.530
Phải thu khác	6.034.471.055	6.480.291.355
	<hr/>	<hr/>
	28.089.867.368	14.141.278.478
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Bà Nguyễn Thị Lan	Trên 3 năm	3.415.000.000	3.415.000.000	-	Trên 3 năm	3.415.000.000	3.415.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hòa	Trên 3 năm	450.000.000	450.000.000	-	Trên 3 năm	450.000.000	450.000.000	-
Xí nghiệp 3 (trước cổ phần hóa) Công ty CP Gạch nhẹ Phúc Sơn	Trên 3 năm Trên 1 năm	314.374.090 426.495.800	314.374.090 426.495.800	- -	Trên 3 năm	314.374.090	314.374.090	-
		<u>4.605.869.890</u>	<u>4.605.869.890</u>	<u>-</u>		<u>4.179.374.090</u>	<u>4.179.374.090</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 4.605.869.890

4.179.374.090

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các công trình xây dựng dở dang	26.528.196.232	23.514.182.951
Bất động sản đang xây dựng	313.298.807.013	297.834.070.830
Bất động sản đã hoàn thành	26.268.461.312	17.773.517.758
	366.095.464.557	339.121.771.539

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong bất động sản đang xây dựng tương đương 1.885 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 534 triệu VND).

Chi tiết các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản và xây dựng dở dang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Dự án khu đô thị mới An Khánh - An Thượng	130.989.638.673	132.751.837.323
Dự án nhà ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	75.507.123.953	68.363.712.907
Dự án nhà N10 khu đô thị mới Dịch Vọng	35.616.683.350	35.293.136.169
Dự án chung cư CC1 Dịch Vọng, Hà Nội	34.557.952.267	23.029.488.527
Dự án nhà ở Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	26.268.461.312	17.773.517.758
Dự án cải tạo xây thô các lô tại dự án Trung Hòa 2	19.023.097.852	16.453.426.526
Dự án chung cư CC3 Dịch Vọng, Hà Nội	11.608.379.867	11.507.599.867
Khác	32.524.127.283	33.949.052.462
	366.095.464.557	339.121.771.539

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, diện tích đất xây dựng nhà thấp tầng An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 20.463,3 m² gồm 51 lô biệt thự; diện tích đất xây dựng nhà chung cư An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 39.421,2 m²; và tài sản trên đất gồm CT1, CT2, CT3, CT4, CT5, CT6, CT7, CT8, CT9, CT10 thuộc dự án An Khánh - An Thượng được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh (24(a) và 24(b))).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	10.388.578.595	87.740.736	8.062.570.909	2.204.739.562	20.743.629.802
Tăng trong kỳ	-	-	-	152.221.818	152.221.818
Số dư cuối kỳ	10.388.578.595	87.740.736	8.062.570.909	2.356.961.380	20.895.851.620
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	8.947.944.677	87.740.736	8.016.180.286	1.719.747.366	18.771.613.065
Khấu hao trong kỳ	409.639.893	-	46.390.623	60.402.637	516.433.153
Số dư cuối kỳ	9.357.584.570	87.740.736	8.062.570.909	1.780.150.003	19.288.046.218
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.440.633.918	-	46.390.623	484.992.196	1.972.016.737
Số dư cuối kỳ	1.030.994.025	-	-	576.811.377	1.607.805.402

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 14.016 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 7.176 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	259.279.089.355
Thanh lý trong kỳ	(9.063.420.681)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	250.215.668.674
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	45.538.028.871
Khấu hao trong kỳ	6.760.077.480
Thanh lý trong kỳ	(1.497.592.355)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	50.800.513.996
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	213.741.060.484
Số dư cuối kỳ	199.415.154.678
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các tài sản có nguyên giá như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tòa nhà Miền Nam - Công trình 60A Trường Sơn	133.960.919.137	133.960.919.137
Khu biệt thự Sư Vạn Hạnh	90.228.323.187	99.291.743.868
Tầng 1 tại các khu chung cư	22.890.633.623	22.890.633.623
Sân tennis	3.135.792.727	3.135.792.727
	<hr/>	<hr/>
	250.215.668.674	259.279.089.355
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, diện tích đất xây dựng Công trình 60A Trường Sơn với diện tích 1.179 m² tại khu đất 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và tài sản trên đất gồm công trình tòa nhà 13 tầng thuộc dự án 60A Trường Sơn trên diện tích đất xây dựng 889 m² được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	170.351.843.216	50.402.902.778
Tăng trong kỳ/năm	101.105.735.025	119.948.940.438
Thanh lý quyền sử dụng đất	(12.585.000.000)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(10.523.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	248.349.578.241	170.351.843.216

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong xây dựng cơ bản dở dang tương đương 5.437 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 939 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án số 2 Hồng Hà, TP. Hồ Chí Minh	245.417.855.035	144.312.120.010
Dự án tại Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	-	23.108.000.000
Dự án 34 Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	1.991.392.914	1.991.392.914
Khu đô thị Dịch Vọng	819.203.928	819.203.928
Khác	121.126.364	121.126.364
	<hr/>	<hr/>
	248.349.578.241	170.351.843.216

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, toàn bộ quyền kinh doanh, quản lý khai thác đối với tài sản hình thành từ dự án Tổ hợp Dịch vụ Thương mại tại Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	7.245.608.484	1.449.121.697	-	-

Lỗi tính thuế chưa quyết toán hết hiệu lực vào năm 2021.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	Giá gốc và số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc và số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Hà Đô 1	19.718.455.403	30.974.449.509
Công ty CP Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	9.457.492.023	-
Công ty Cổ phần Đạt Phương	5.229.657.769	-
Công ty CP Austdoor Miền Bắc	-	7.480.462.209
Khác	16.424.796.748	40.370.236.406
	50.830.401.943	78.825.148.124

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	Giá gốc và số có	Giá gốc và số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty con		
Công ty CP Hà Đô 1	19.718.455.403	30.974.449.509
Công ty CP Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	9.457.492.023	-
Công ty CP Hà Đô 4	2.658.862.234	2.658.862.234
Cty TNHH Một thành viên Quản lý - Vận hành - Khai thác		
Bất động sản Hà Đô	774.178.464	854.155.237
Công ty CP Tư vấn Hà Đô	56.571.400	424.142.080
	32.665.559.524	34.911.609.060

Khoản phải trả đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	167.800.299.689	126.676.968.019
Khách hàng thương mại trả tiền trước	21.709.233.861	43.366.998.695
	189.509.533.550	170.043.966.714

21. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2016
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.557.850.872	(1.811.403)	216.752.453	4.772.791.922

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.029.418.351	(6.029.418.351)	-
Thuế thu nhập cá nhân	111.294.907	2.112.174.175	(2.083.744.012)	139.725.070
Thuế khác	-	1.000.000	(1.000.000)	-
	111.294.907	8.142.592.526	(8.114.162.363)	139.725.070

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	36.240.178.347	8.386.591.115
Chi phí xây dựng	164.936.831.032	165.541.824.531
	201.177.009.379	173.928.415.646

23. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phí bảo trì các tòa nhà (*)	32.891.998.840	33.061.599.840
Phải trả các công ty liên quan	1.552.440.100	711.329.520
Các khoản phải trả khác	15.815.076.860	8.865.030.181
	50.259.515.800	42.637.959.541

(*) Phí bảo trì các tòa nhà là khoản phí 2% tính trên giá bán của các khu chung cư. Khoản phí này sẽ được bàn giao lại toàn bộ cho Ban quản lý tòa nhà do khu dân cư đó bầu ra.

Khoản phải trả khác các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	110.444.000.000	110.444.000.000	356.993.856.450	(170.947.000.000)	296.490.856.450	296.490.856.450

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay cá nhân					
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	(i)	VND	7,9% - 8,45%	69.497.000.000	77.444.000.000
Vay từ công ty con – Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà	(ii)	VND	7,5% - 8%	110.993.856.450	-
	(iii)	VND	6,8%	116.000.000.000	33.000.000.000
				<u>296.490.856.450</u>	<u>110.444.000.000</u>

(i) Khoản vay cá nhân ngắn hạn không được đảm bảo, có kỳ hạn 12 tháng và chịu lãi suất từ 7,9% đến 8,45%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng 1.104.000 cổ phiếu của Công ty CP Za Hung – công ty con của Công ty (Thuyết minh 8(c)); hợp đồng tiền gửi có giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND (Thuyết minh 8(b)); và quyền sử dụng đất 3 tòa chung cư CT2, CT3, CT4 tại Khu Đô thị An Khánh - An Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Khánh Hà được đảm bảo bằng việc bù trừ vào tiền cổ tức phải trả cho Công ty CP Tập Đoàn Hà Đô và chịu lãi suất 6,8%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn và trái phiếu phát hành

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	221.135.999.175	76.474.131.021
Trái phiếu thường (ii)	594.283.500.000	595.634.500.000
	815.419.499.175	672.108.631.021
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-
	815.419.499.175	672.108.631.021

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016	1/1/2016
				VND	VND
Vay ngân hàng (*)	VND	10,3%	2027	146.439.509.175	59.318.641.021
Vay cá nhân	VND	8 - 12%		74.696.490.000	17.155.490.000
				221.135.999.175	76.474.131.021

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với hạn mức tối đa là 350 tỷ VND dùng để thanh toán các chi phí đầu tư dự án “Tổ hợp Dịch vụ Thương mại tại Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh”. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền kinh doanh, quản lý khai thác đối với tài sản hình thành từ dự án này (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	(*)	2020	200.000.000.000	200.000.000.000
Lô 2	VND	(*)	2020	400.000.000.000	400.000.000.000
				600.000.000.000	600.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu				(5.716.500.000)	(4.365.500.000)
				594.283.500.000	595.634.500.000

(*) Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên (từ ngày thanh toán tiền mua Trái phiếu đến ngày 10 tháng 7 năm 2016) là 9,7%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tiếp theo của Trái phiếu được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình xác định tại ngày xác định lãi suất, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau kỳ hạn 12 tháng công bố tại bốn ngân hàng thương mại quốc doanh bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng (+) biên độ 3,2%/năm.

Trái phiếu được đảm bảo bởi:

- (i) Diện tích đất xây dựng nhà thấp tầng An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 20.463,3 m² gồm 51 lô biệt thự thuộc dự án An Khánh - An Thượng (Thuyết minh 14).
- (ii) Diện tích đất xây dựng nhà chung cư An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 39.421,2 m² và tài sản trên đất gồm CT1, CT5, CT6, CT7, CT8, CT9, CT10 thuộc dự án An Khánh - An Thượng (Thuyết minh 14).
- (iii) Diện tích đất xây dựng Công trình 60A Trường Sơn với diện tích 1.179 m² tại khu đất 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và tài sản trên đất gồm công trình tòa nhà 13 tầng thuộc dự án 60A Trường Sơn trên diện tích đất xây dựng 889 m². (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	651.542.050.000	-	(6.210.000)	23.516.835.886	129.037.848.918	804.090.524.804
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	27.420.501.465	27.420.501.465
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.020.000.000)	(4.020.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	651.542.050.000	-	(6.210.000)	23.516.835.886	152.438.350.383	827.491.026.269
Số dư tại ngày 1/1/2016	684.118.840.000	-	(8.560.000)	23.516.835.886	162.423.566.594	870.050.682.480
Phát hành cổ phiếu	6.515.400.000	(33.000.000)	-	-	-	6.482.400.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	15.736.847.613	15.736.847.613
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(230.000.000)	-	-	(230.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.099.000.000)	(2.099.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	690.634.240.000	(33.000.000)	(238.560.000)	23.516.835.886	176.061.414.207	889.940.930.093

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	69.063.424	690.634.240.000	68.411.884	684.118.840.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	69.063.424	690.634.240.000	68.411.884	684.118.840.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(23.856)	(238.560.000)	(856)	(8.560.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	69.039.568	690.395.680.000	68.411.028	684.110.280.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần của Công ty trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016		Năm kết thúc ngày 31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	68.411.028	684.110.280.000	65.153.584	651.535.840.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ/năm	651.540	6.515.400.000	3.257.679	32.576.790.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ/năm	(23.000)	(230.000.000)	(235)	(2.350.000)
Số dư cuối kỳ/năm	69.039.568	690.395.680.000	68.411.028	684.110.280.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	25.717	558.715.744	11.600	260.420.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	279.326.225.854	249.712.765.950
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	194.305.352.737	290.182.775.032
	473.631.578.591	539.895.540.982

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần của Công ty bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản	60.805.309.002	1.043.399.091
▪ Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.004.553.483	-
▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác	23.965.321.431	29.468.844.549
	<hr/>	<hr/>
	95.775.183.916	30.512.243.640
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(135.814.926)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	95.775.183.916	30.376.428.714

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động kinh doanh bất động sản	41.003.818.688	860.980.909
▪ Hoạt động xây dựng	10.760.522.012	-
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác	14.087.035.280	18.492.131.308
	<hr/>	<hr/>
	65.851.375.980	19.353.112.217

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	13.766.755.262	2.974.860.786
Cổ tức được chia	25.468.233.000	31.320.726.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.000	265.163.338
	<hr/>	<hr/>
	39.235.000.262	34.560.750.624
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	33.929.235.694	2.197.500.372
Chi phí tài chính khác	649.880.852	788.256
	<hr/>	<hr/>
	34.579.116.546	2.198.288.628
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.680.528.751	12.164.425.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.077.278	1.141.843.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.651.755	997.601.971
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.659.839.532	1.889.477.575
	<hr/>	<hr/>
	15.325.097.316	16.193.348.394
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.842.839.371	14.930.706.975
Chi phí khấu hao	7.299.914.383	7.889.618.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.590.823.259	94.851.351.578
Chi phí khác	22.539.420.686	2.681.241.602

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	120.836.813
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	1.811.403	-
	1.811.403	120.836.813

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.738.659.016	27.541.338.278
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.147.731.803	6.059.094.421
Chi phí không được khấu trừ thuế	496.793.100	952.302.222
Thu nhập không bị tính thuế	(5.093.646.600)	(6.890.559.830)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.449.121.697	-
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	1.811.403	-
	1.811.403	120.836.813

(c) Thuế suất áp dụng

Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Hà Đô 1		
Cổ tức được chia	1.791.135.000	1.970.248.500
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.447.722.726	40.033.712.373
Bán hàng hóa và dịch vụ	342.755.910	244.516.364
Cho vay và thu hồi vay ngắn hạn	-	15.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	135.000.000
Vay và hoàn trả vay ngắn hạn	45.000.000.000	7.213.128.449
Chi phí lãi vay	250.000.000	11.250.000
Công ty Cổ phần Hà Đô 23		
Cổ tức được chia	5.642.780.000	11.285.560.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.835.644.951	1.452.471.179
Bán hàng hóa và dịch vụ	434.315.454	364.069.091
Vay và hoàn trả vay ngắn hạn	50.000.000.000	37.000.000.000
Chi phí lãi vay	104.861.444	92.500.000
Công ty Cổ phần Hà Đô 4		
Cổ tức được chia	3.359.368.000	3.359.368.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	5.262.535.596
Thu hồi vay ngắn hạn	-	13.572.348.824
Thu nhập lãi vay	-	368.454.903
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Thiết bị Công nghiệp Hà Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	52.965.205.680	44.148.688.985,00
Cổ tức được chia	1.021.020.000	1.021.020.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	334.461.592	383.660.969
Công ty Cổ phần Tư vấn Hà Đô		
Cổ tức được chia	153.000.000	183.600.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.636.783.509	2.563.236.181
Bán hàng hóa và dịch vụ	171.126.110	171.125.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà		
Góp vốn	131.240.885.000	1.508.068.835
Vay ngắn hạn	116.000.000.000	34.500.000.000
Hoàn trả vay ngắn hạn	33.000.000.000	60.434.722
Chi phí lãi vay	268.400.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác Bất động sản Hà Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.725.342.129	4.728.510.949
Bán hàng hóa và dịch vụ	179.839.535	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	570.348.052	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.413.204.545	510.181.820
Phí quản lý	-	181.309.090
Công ty CP Hà Đô – 756 Sài Gòn		
Góp vốn	59.400.000.000	267.800.000.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	5.704.153.268
Vay ngắn hạn	-	275.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	305.000.000.000	-
Thu hồi vay ngắn hạn	225.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	11.900.000.667	-
Công ty CP Za Hưng		
Góp vốn	27.811.400.000	-
Cổ tức được chia	13.500.930.000	13.500.930.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	182.640.000	182.640.000
Cho vay và thu lại vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	300.000.000
Vay và hoàn trả vay ngắn hạn	35.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	9.333.333	-
Công ty liên kết		
Công ty CP Thương Mại Hà Đô		
Bán hàng hóa và dịch vụ	270.000.000	540.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Lương và phụ cấp	2.525.865.940	4.328.646.463

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Vũ Thị Dung
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc